ài lǚ

爱侣

noun · lover; sweetheart

Example Sentences

Gōng yuán lǐ yǒu hěn duō nián qīng de ài lǚ zài sàn bù
公 园 里有 很 多 年 轻 的爱侣在散步。

There are many young lovers walking in the park.

Tā men shì yī duì xìng fú de ài lǚ
他 们 是一对 幸 福的爱侣。

They are a happy couple.

Trace each character, then write the word on your own.